

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 24/02/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0101	NGUYỄN ĐĂNG	MINH	6/11/1999				
2	TA0102	TRẦN CÔNG	MINH	20/09/2000				
3	TA0103	NGUYỄN MẬU	MUÔN	12/26/1999				
4	TA0104	VÕ MINH	NAM	11/17/1999				
5	TA0105	NGUYỄN THÀNH	NAM	8/13/2000				
6	TA0106	MÙI SƠN	NAM	5/21/1999				
7	TA0107	KHÔNG TIẾN	NAM	11/6/1996				
8	TA0108	ĐỖ VŨ HẰNG	NGA	4/19/2000				
9	TA0109	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	2/13/2000				
10	TA0110	TRƯƠNG CÔNG	NGHĨA	3/18/2000				
11	TA0111	LÊ QUANG	NHẬT	3/19/1999				
12	TA0112	NGUYỄN THỊ	NHƯ	30/10/1994				
13	TA0113	NGUYỄN THỊ THU	OANH	28/12/1999				
14	TA0114	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	23/10/1974				
15	TA0115	LÊ THANH	PHONG	1/14/1999				
16	TA0116	ĐOÀN THỂ	PHONG	7/29/1999				
17	TA0117	LÊ QUANG	PHÚ	4/29/1999				
18	TA0118	ĐẶNG VĂN	PHÚC	12/24/1999				
19	TA0119	NGUYỄN HÀ	PHÚC	9/10/1999				
20	TA0120	MẠC THỊ BÍCH	PHƯỢNG	10/10/1999				
21	TA0121	ĐOÀN HỒNG	QUÂN	6/2/1999				
22	TA0122	HOÀNG MINH	QUÂN	11/26/1999				
23	TA0123	NGUYỄN HẢI	QUÂN	05/09/1988				

24	TA0124	VŨ HỒNG	QUANG	8/19/1999				
25	TA0125	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	5/1/2000				
26	TA0126	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	6/15/1999				
27	TA0127	ĐINH HOÀNG	QUÝ	22/06/1999				
28	TA0128	NGUYỄN THỊ THU	QUYÊN	2/13/1999				
29	TA0129	LÊ CÔNG	QUYÊN	10/22/1999				
30	TA0130	TRẦN ĐỨC	SƠN	10/26/1999				
31	TA0131	THÁI BÁ	TÀI	2/2/1998				
32	TA0132	BÙI VĂN	TÂM	8/27/1999				
33	TA0133	NINH THÀNH	THÁI	6/11/1999				
34	TA0134	PHẠM VĂN	THẮNG	7/14/1999				
35	TA0135	LÊ CHÍ	THẮNG	4/27/1999				
36	TA0220	BÙI THANH	TÙNG	1/3/1995				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)